

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HS-ST
Ngày 02/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phương Văn Tư và ông Hoàng Văn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:
Bà Ma Kim Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 32/2024/TLST - HS ngày 09 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Tô Văn T; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Sinh ngày 27 tháng 01 năm 1998 tại xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm G, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Tô Văn T1, sinh năm 1972 và bà Lương Thị C, sinh năm 1971; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27/11/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

2. Hoàng Văn L; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Sinh ngày 08 tháng 8 năm 1992 tại xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm P, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Con ông Hoàng Văn O (đã chết) và bà Thân Thị T2, sinh năm 1971; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không có;

Tiền án: 01 tiền án, bản án số 112/HS-ST ngày 08/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 18 tháng tù về Tội tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/9/2022.

Nhân thân: Ngày 09/4/2024 bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 36 tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/11/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

** Người làm chứng:*

- Lý Văn H, sinh năm 1997; Lưu Văn S, sinh năm 1994; Lương Văn Q, sinh năm 1995. Cùng trú tại: xóm G, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

- Lục Văn T3, sinh năm 1998; Lương Văn H1, sinh năm 1993; Cùng trú tại: xóm Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

- Lục Văn N, sinh năm 1984; trú tại: Xóm N, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Tất cả những người làm chứng đều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 00 phút ngày 24/11/2023, tổ công tác Đoàn Biên phòng N1, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh C chủ trì phối hợp với tổ công tác Công an xã K, huyện T làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tại khu vực vành đai biên giới, đường mòn lên M (Việt Nam -Trung Quốc) thuộc xóm G, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng phát hiện bắt quả tang Hoàng Văn L về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ tại tay phải L đang cầm 01 gói nhỏ được gói bằng giấy vệ sinh; túi quần bên phải 01 gói nhỏ được gói bằng giấy bạc màu vàng, bên trong 02 gói có chứa chất bột màu trắng, L khai nhận là ma túy, loại Heroine. Tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen, số IMEI 1:8664670676154413, số IMEI 2:866467067615405 và 880.000 đồng. Số vật chứng và đồ vật liên quan đã được tạm giữ niêm phong theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 25/11/2023, Đoàn Biên phòng N1 phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành cân xác định khối lượng vật chứng thu giữ khi bắt quả tang đối với Hoàng Văn L có khối lượng 0,57 gam. Tại Bản kết luận giám định số 618/KL - KTHS ngày 04/12/2023 của Phòng K Công an tỉnh C kết luận: mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine.

Hoàng Văn L khai nhận: Bản thân nghiện nên ngày 23/11/2023, L mua ma túy với Tô Văn T, sinh năm 1998, trú tại xóm G, xã K, huyện T với số tiền 1.000.000 đồng. Mục đích mua ma túy về để sử dụng cho bản thân.

Căn cứ vào lời khai của Hoàng Văn L, ngày 27/11/2023, Đoàn Biên phòng N1 tiến hành khám xét người và chỗ ở đối với Tô Văn T. Kết quả khám xét phát hiện, thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Messtel màu đen, bàn phím bấm, đã qua sử dụng, số IMEI 1:359644091119885, số IMEI 2: 359644091119893 (không lắp thẻ sim); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, số IMEI 1:865543053287853, số IMEI 2:865543053287843, lắp thẻ sim Viettel số

0367262719; 01 chiếc cân tiểu ly (cân điện tử); 01 căn cước công dân (Tô Văn T); 02 dao lam và 5.380.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Tô Văn T khai nhận: Bản thân sử dụng ma túy từ năm 2018. Có hành vi bán trái phép chất ma túy từ tháng 6 năm 2023 cho đến ngày bị bắt. Có 02 hình thức người mua ma túy trả tiền là trực tiếp và chuyển khoản đến tài khoản Ngân hàng A của bị cáo số 8306205138865. Ma túy được chia sẵn thành từng gói nhỏ, được gói bằng giấy bạc màu vàng. Tráng được bán ma túy cho những người sau: Hoàng Văn L 15 lần với số tiền 3.100.000 đồng, trong đó: chuyển khoản 11 lần (01 lần/500.000đ, 03 lần/200.000đ, 07 lần/100.000đ); trả tiền trực tiếp 04 lần (03 lần/100.000đ, 01 lần 1.000.000 đồng) lần cuối vào 23/11/2023. Lý Văn H 10 lần với số tiền 1.050.000 đồng (01 lần/50.000đ, 08 lần/100.000đ, 01 lần/200.000đ) trả tiền trực tiếp bằng tiền mặt. Lưu Văn S 08 lần với số tiền 820.000 đồng, cụ thể: trả tiền mặt 02 lần, mỗi lần 100.000đ; chuyển khoản 06 lần (01 lần/50.000đ, 02 lần/100.000đ, 01 lần/120.000đ, 01 lần/150.000đ, 01 lần/200.000đ). Lương Văn Q 03 lần với số tiền 150.000 đồng. Lục Văn T3 02 lần, mỗi lần 100.000 đồng, lần thứ nhất vào ngày 18/11/2023, lần thứ hai vào ngày 24/11/2023. Lương Văn H1 12 lần với số tiền 2.000.000 đồng, cụ thể: 02 lần trả tiền trực tiếp 200.000 đồng; chuyển khoản 10 lần (06 lần/100.000 đồng, 02 lần/200.000 đồng, 01 lần/300.000 đồng; 01 lần/500.000 đồng). Lục Văn N 02 lần với số tiền 200.000 đồng. Ngoài ra, L còn bán ma túy cho nhiều người khác không biết tên và địa chỉ, với số tiền mỗi người mỗi lần từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Thời gian bán ma túy không cố định trong ngày, trước khi mua ma túy, các đối tượng thường gọi điện thoại trước hoặc trực tiếp đến nhà. Địa điểm bán ma túy ngay tại nhà ở của T và đường bê tông trong xóm G, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Tổng cộng làm rõ được bị cáo đã bán ma túy 52 lần cho 07 người thu về số tiền 7.520.000đ.

Lời khai của Hoàng Văn L, Tô Văn T phù hợp lời khai của những người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, kết luận giám định, kết quả cân khối lượng Heroine và những vật chứng, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về số tài sản tạm giữ xác định được: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu đen L dùng để liên lạc hằng ngày và trao đổi mua ma túy với T; Số tiền 880.000 đồng do L lao động hợp pháp mà có. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Messtel màu đen, bàn phím bấm tạm giữ của T không liên quan đến hành vi phạm tội; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màn hình cảm ứng T dùng để liên lạc để mua bán trái phép chất ma túy; 01 chiếc cân tiểu ly và 02 dao lam T dùng để cân, chia ma túy; 01 thẻ ATM bị cáo dùng để rút tiền từ bán ma túy; Trong số tiền 5.380.000 đồng thì có một phần từ bán ma túy, một phần do bị cáo làm thuê bốc vác có được.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKSTK ngày 09 tháng 4 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố bị cáo Tô Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự và Hoàng Văn L về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã phản ánh đúng hành vi phạm tội của các bị cáo và không có ý kiến khiếu nại đối với các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Bị cáo Hoàng Văn L khai nhận: Bản thân nghiện nên thường mua ma túy với T để sử dụng, ngoài ngày 23/11/2023 mua với số tiền 1.000.000 đồng thì bị cáo còn được mua với T 14 lần, trả tiền bằng chuyển khoản hoặc trả trực tiếp. Mục đích mua ma túy về để sử dụng cho bản thân.

Bị cáo Tô Văn T khai nhận: Sử dụng ma túy từ năm 2018 nên ngoài việc mua ma túy về sử dụng thì còn bán trái phép chất ma túy từ tháng 6 năm 2023 cho đến ngày bị bắt. Bị cáo được bán ma túy cho nhiều người nhưng chỉ nhớ những người với số lần, số tiền, hình thức giao dịch như Cáo trạng đã truy tố. Nguồn gốc ma túy để bán cho L và nhiều người khác do bị cáo mua với Lục Quốc M, sinh năm 1962, trú tại Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo được mua ma túy với M nhiều lần nhưng việc mua bán chỉ có bị cáo và M biết, không ai chứng kiến, không có tài liệu chứng minh. Trong số tiền thu giữ thì có 2.380.000đ là từ bán ma túy, còn lại do bị cáo lao động hợp pháp có được. Nay biết hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, mong được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Kết thúc phần xét hỏi tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tô Văn T. Xử phạt bị cáo Tô Văn T từ 07 đến 08 năm tù; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn L. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L từ 15 đến 21 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy gồm: Số ma túy thu giữ và hoàn mẫu sau giám định, 02 dao lam; 01 thẻ ATM và 01 cân tiểu ly màu đen;

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đen, màn hình cảm ứng tạm giữ đối với Hoàng Văn L và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, màn hình cảm ứng tạm giữ đối với Tô Văn T;

- Trả lại cho bị cáo T gồm: 01 căn cước công dân số 004098005035 mang tên Tô Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Messtel màu đen, bàn phím bấm và số tiền 3.000.000đ, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo L số tiền 880.000;

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 2.380.000 đồng tạm giữ đối với bị cáo Tô Văn T;

- Truy thu bị cáo số tiền 5.140.000đ để nộp vào Ngân sách Nhà nước do bị cáo thu lợi bất chính từ hành vi mua bán ma túy có được.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Qua quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết hợp với các lời khai của những người làm chứng đã khai tại Cơ quan điều tra về cách thức mua bán ma túy, thời gian, địa điểm cũng như số lần, số tiền mua bán ma túy đã thực hiện, phù hợp với vật chứng đã thu được của các bị cáo, có căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận: Hồi 20 giờ 00 phút ngày 24/11/2023, tổ công tác Đoàn Biên phòng N1, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh C chủ trì phối hợp với tổ công tác Công an xã K, huyện T làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tại khu vực vành đai biên giới, đường mòn lên M (Việt Nam -Trung Quốc) thuộc xóm G, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng phát hiện bắt quả tang Hoàng Văn L đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,57 gam ma túy, loại Heroine. Mục đích để bản thân sử dụng. Số ma túy này L mua với Tô Văn T vào ngày 23/11/2023 số tiền 1.000.000đ. Căn cứ lời khai của L thì Đ Biên phòng Ngọc C1 tiến hành khám xét người và chỗ ở đối với Tô Văn T thu giữ một số đồ vật liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã chứng minh được trước khi bị bắt thì Tô Văn T đã bán ma túy 52 lần cho 07 người thu về số tiền 7.520.000đ.

Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, nhận thức được và biết rõ tác hại của ma túy, hiểu được hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng nghiện và thấy lợi nhuận cao từ bán ma túy nên đã bất chấp pháp luật để thực hiện. Việc làm của các bị cáo đã tiếp tay cho tệ nạn ma túy ngày càng gia tăng, làm giảm sút sức lao động, hủy hoại đến sức khỏe và trí tuệ của

con người, khiến dư luận và nhân dân địa phương bất bình và là một trong những nguyên nhân làm gia tăng nhiều loại tội phạm khác. Đối với Tô Văn T đã bán ma túy nhiều lần, mỗi lần đều cấu thành một tội phạm độc lập nên bị coi là phạm tội 02 lần trở lên, là tình tiết định khung được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Đối với Hoàng Văn L khi bị bắt đang tàng trữ trái phép 0,57gam ma túy, loại Heroine, là tình tiết định khung được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Hành vi của Tô Văn T đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; Hành vi của Hoàng Văn L đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố các bị cáo về tội danh và Điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Hoàng Văn L có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên có một tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Tô Văn T không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi mua bán ma túy của mình và tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho cả hai bị cáo.

Về nhân thân: Các bị cáo đều là người nghiện ma túy nên không được coi là có nhân thân tốt. Do đó, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống một thời gian để răn đe bị cáo cũng như đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung. Xét thấy, mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng: Số Heroine thu giữ và hoàn mẫu sau giám định là mặt hàng Nhà nước cấm lưu hành, 02 dao lam, 01 cân tiểu ly, 01 Thẻ ATM là công cụ liên quan đến phạm tội nên tịch thu tiêu hủy. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đen, màn hình cảm ứng tạm giữ đối với Hoàng Văn L và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, màn hình cảm ứng tạm giữ đối với Tô Văn T liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho bị cáo T gồm: Một căn cước công dân số 004098005035 mang tên Tô Văn T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Messtel màu đen, bàn phím bấm và số tiền 3.000.000đ (nằm trong số tiền 5.380.000 đồng) do không liên quan đến hành vi phạm tội. Số tiền 880.000đ tạm giữ của L không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo L. Số tiền 2.380.000đ (nằm trong số tiền 5.380.000 đồng) tạm giữ của T có từ việc bán ma túy nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[5]. Về số tiền thu lợi bất chính: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa làm rõ được bị cáo Tô Văn T bán ma túy 52 lần cho 07 người thu về số tiền 7.520.000đ, đang tạm giữ 2.380.000đ. Vì vậy, cần truy thu đối với bị cáo số tiền 5.140.000đ để sung quỹ Nhà nước.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy, đối với các bị cáo Tô Văn T và Hoàng Văn L là đối tượng nghiện ma túy, không có nguồn thu nhập ổn định, không

có tài sản riêng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[7]. Về nguồn gốc ma túy, bị cáo Tô Văn T khai được mua ma túy với Lục Quốc M, sinh năm 1962, trú tại Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Cơ quan điều tra Công an huyện T đã áp dụng các biện pháp điều tra, xác minh lấy lời khai và tiến hành đối chất. Tuy nhiên, không đủ căn cứ để điều tra xử lý Mậu trong vụ án này là có căn cứ.

[8]. Về án phí: Các bị cáo Tô văn T4 và Hoàng Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Tô Văn T;

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h “Tái phạm” khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn L.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Tô Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và bị cáo Hoàng Văn L phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Tô Văn T 07 năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 27/11/2023;

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L 18 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 24/11/2023.

3. Truy thu bị cáo Tô Văn T số tiền 5.140.000đ để nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong thư niêm phong, mặt trước phong bì ghi “*Vật chứng vụ Hoàng Văn L xảy ra ngày 24/11/2023*”.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong, mặt trước phong bì ghi “*Hoàn mẫu sau giám định vụ Hoàng Văn L xảy ra ngày 24/11/2023*”;

- Tịch thu tiêu hủy 02 dao lam, 01 thẻ ATM số 9704053003053070 và 01 cân tiểu ly màu đen (loại cân điện tử) đã qua sử dụng, mặt sau cân điện tử có chữ Item no: TPS - LC2; Capacity: 100g d = 0,01g; Battery; 1x CR2032;

- Tịch thu phát mại sung vào Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu đen số IMEI 1: 86646706715413, số IMEI 2: 866467067615405 tạm

giữ đối với Hoàng Văn L và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, số IMEI 1: 865543053287853, số IMEI 2: 86554305387846 tạm giữ đối với Tô Văn T”;

- Trả lại cho bị cáo T gồm: 01 điện thoại di động có nhãn hiệu Masstel số IMEI 1: 359600491119885, số IMEI 2: 359644091119893; 01 căn cước công dân số 004098005035 mang tên Tô Văn T và số tiền 3.000.000đ (năm trong số tiền 5.380.000 đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 2.380.000đ (năm trong số tiền 5.380.000 đồng);

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn L số tiền 880.000đ.

Xác nhận số vật chứng trên đã chuyển sang cơ quan Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trùng Khánh tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/4/2024.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Tô Văn T và Hoàng Văn L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Các bị cáo Tô Văn T và Hoàng Văn L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện TK;
- Công an huyện; Nhà tạm giữ CATK;
- Chi cục THADS huyện TK;
- Các bị cáo;
- UBND xã K (bằng TB)
- Lưu HS vụ án;
- Lưu án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nông Văn Tùng